

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét các Văn bản của Công ty Cổ phần Vườn Xưa: số 12-2024/GP-VX ngày 18 tháng 12 năm 2024 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường; và số 03/2025-CV/VX ngày 16 ngày 01 tháng 2025 của Công ty Cổ phần Vườn Xưa về việc giải trình các nội dung bổ sung, chỉnh sửa trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cơ sở Khu nghỉ dưỡng ven sông Huế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 50/TTr-STNMT-MT ngày 20 tháng 01 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Vườn Xưa, địa chỉ tại số 588 Bùi Thị Xuân, phường Thủy Biều, quận, Thuận Hóa, thành phố Huế được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Khu nghỉ dưỡng Ven Sông Huế”

với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

- 1.1. Tên cơ sở: Khu nghỉ dưỡng Ven Sông Huế.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: 588 Bùi Thị Xuân, phường Thủy Biều, quận, Thuận Hóa, thành phố Huế.
- 1.3. Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 311210000101 chứng nhận lần đầu ngày 02/1/2009, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 15/3/2013
- 1.4. Giấy đăng ký kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số doanh nghiệp: 3300561153, đăng ký lần đầu ngày 27/08/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 4 vào ngày 29/04/2021.
- 1.5. Mã số thuế: 3300362743.
- 1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Dịch vụ lưu trú ngắn ngày.
- 1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:
 - Tổng diện tích: 34.761 m².
 - Quy mô: 70 phòng nghỉ, 06 biệt thự cao cấp và các khu phụ trợ gồm: Nhà hàng, khu chăm sóc sức khỏe, hồ bơi và khu nội bộ; trong đó giai đoạn 1 đã hoàn thành và đưa vào sử dụng với 05 khu nhà nghỉ có 40 phòng, 01 khu nhà hàng, khu chăm sóc sức khỏe, hồ bơi và khu nội bộ.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

- 2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty Cổ phần Vườn Xưa có trách nhiệm:
 - 2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép là 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện về tính pháp lý, tính chính xác và đầy đủ về hồ sơ, nội dung thẩm định trình UBND thành phố Huế theo đúng quy định.

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục Bảo vệ môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Công ty Cổ phần Vườn Xưa;
- UBND quận Thuận Hóa;
- UBND phường Thủy Biều;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- VP: LĐ và các CV: TH, DN;
- Lưu VT, CT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Quý Phương

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 12 /GPMT-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2025 của UBND thành phố Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải từ nhà vệ sinh;
- Nguồn số 02: Nước thải từ nhà bếp;
- Nguồn số 03: Nước thải từ khu vực giặt là.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

Nước thải từ nguồn số 01, số 02, số 03 được thu gom chung về xử lý tại hệ thống xử lý nước thải (HTXLNT) tập trung của cơ sở sau đó thải ra môi trường. Theo đó, cơ sở có 01 dòng nước thải sau xử lý xả ra môi trường.

2.1.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Hệ thống thoát nước đô thị dọc đường Bùi Thị Xuân, phường Thủy Biều, quận Thuận Hóa, thành phố Huế rồi xả ra sông Hương, đoạn qua phường Thủy Biều, quận Thuận Hóa, thành phố Huế.

2.1.2. Vị trí xả nước thải:

Phía Nam của Cơ sở (phía cổng chính), xả vào hệ thoát nước đô thị dọc đường Bùi Thị Xuân, phường Thủy Biều, quận Thuận Hóa, thành phố Huế.

- Vị trí xả nước thải có tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 107° , múi chiếu 3° như sau:

X (m): 1.819.194 Y (m): 557.464

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả nước thải.

2.1.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $30 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (24 giờ).

2.1.3.1. Phương thức xả nước thải: Xả ngầm, xả cưỡng bức bằng bơm áp lực.

2.1.3.2. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn.

2.1.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi

trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

STT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn QCVN 14:2008/BTNMT (giá trị C_{max} , cột A, K=1,2)	Quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅	mg/l	36		
3	TSS	mg/l	60		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	600		
5	Sunfua	mg/l	1,2		
6	Amoni	mg/l	6		
7	Nitrat	mg/l	36		
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	12		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	6		
10	Phosphat	mg/l	7,2		
11	Tổng coliforms	MPN/100ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và thoát nước thải

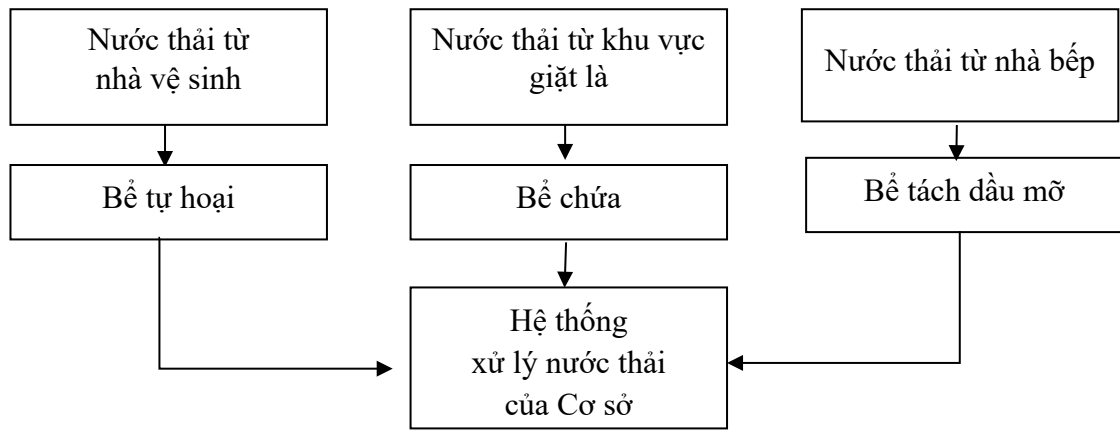
1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

* Công trình thu gom nước thải sinh hoạt

- Nước thải từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại; nước thải từ nhà bếp chảy vào bể tách dầu mỡ. Sau đó, 02 nguồn nước thải này sẽ theo đường ống PVC D200 chảy về bể thu gom (bể ngầm, kích thước LxBxH: 1,3x1,3x2,5m), thông qua bơm chìm tại hố gom sẽ bơm nước thải thông qua đường ống PVC D140 về HTXLNT của Cơ sở để xử lý.

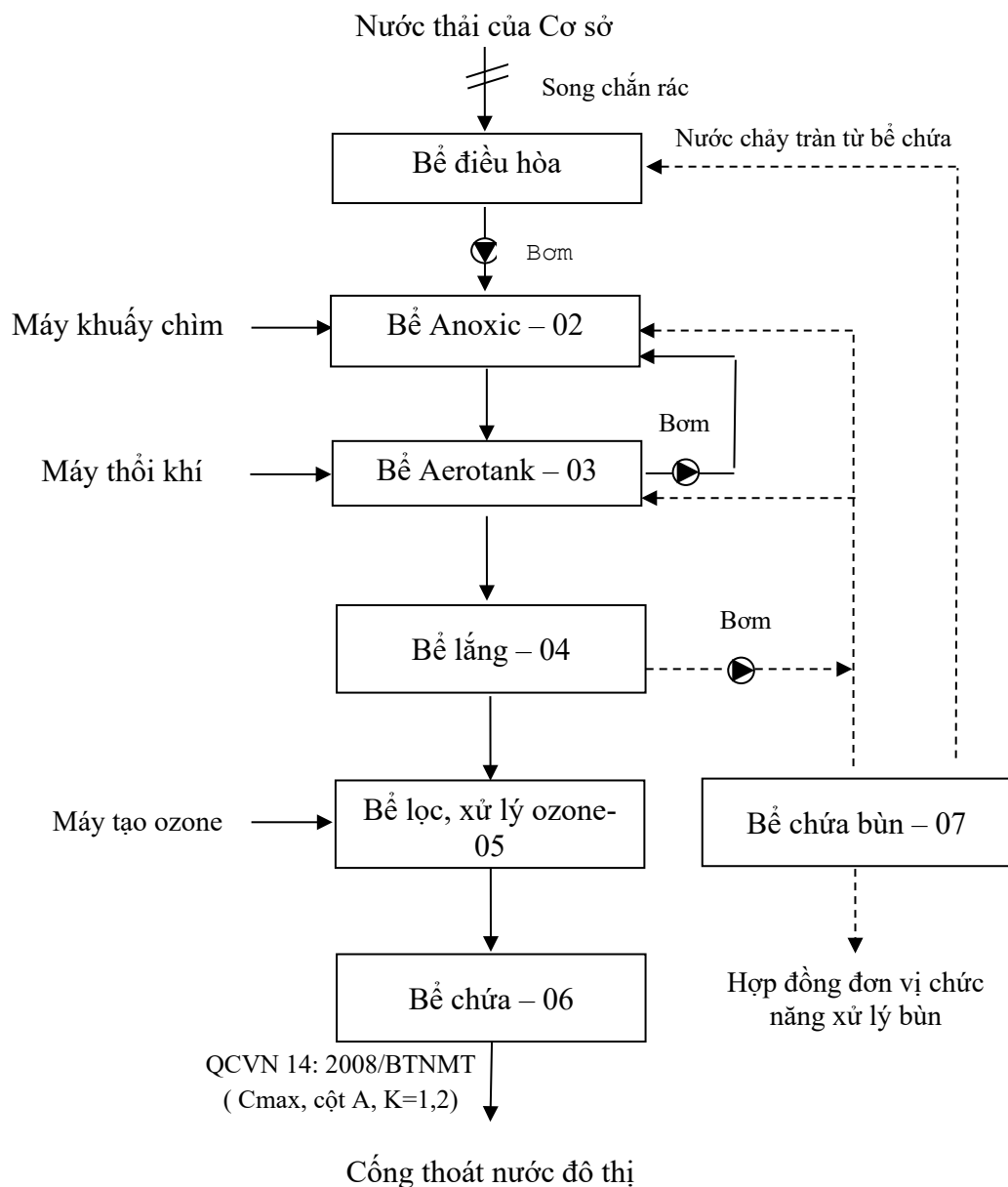
- Nước thải từ hoạt động giặt là thông qua ống PVC D200 chảy về bể chứa (kích thước LxBxH: 2x1,2x1,2m, bể ngầm cạnh nhà hành chính), sau đó bơm đẩy (công suất 1,5kW) sẽ bơm nước thải thông qua đường ống PVC D60 về HTXLNT của Cơ sở để xử lý.

Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải của Cơ sở:



1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Công ty đã xây dựng HTLXTN tập trung có công suất thiết kế: 30 m³/ngày (24 giờ) với sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý như sau:



+ Kích thước và thể tích các bể xử lý được thể hiện ở bảng sau:

Stt	Tên công trình	Vật liệu	Kích thước hiệu dụng	Thể tích (m ³)	Thời gian lưu nước tối thiểu (giờ)
			D×R×C (m)		
1	Bể điều hòa	BTCT đá, chống thấm, tô vữa xi măng	4,55×3,3×2,0	30,03	24,02
2	Bể Anoxic		4,55×1,35×2,0	12,28	9,82
3	Bể Aerotank		4,55×1,35×2,0	12,28	9,82
4	Bể lắng		4,55×1,35×2,0	12,28	9,82
5	Bể lọc, xử lý ozone		1,25×0,8×2,0	2	1,60
6	Bể chứa		1,25×0,85×2,0	2,12	1,70
7	Bể chứa bùn		3,15×1,8×2,0	11,34	-

+ Danh mục máy móc, thiết bị lắp đặt cho HTXLNT của Cơ sở:

Stt	Tên thiết bị/hạng mục	Mô tả kỹ thuật	Nhãn hiệu/xuất xứ	Đơn vị tính	Khối lượng
A	BỂ ĐIỀU HÒA – 01				
1	Bơm nước thải (WP01)	Bơm chìm Model: BAV 150 Đặc tính kỹ thuật: - Công suất : Q = 3,6 m ³ /h; H = 4.5 m - Điện áp: 220V/50Hz/1pha; 150W - Đường kính output : DN32mm - Chỉ số cách điện : lớp B - Chỉ số bảo vệ : IP 68 - Vật liệu : buồng gang, cánh gang, trục inox - Phụ kiện đi kèm	APP – Taiwan	Bộ	1
2	Phao mực nước	Phao báo mức nước Model: T80/5 - Kiểu: phao mực nước dùng cho nước thải - Chiều dài cáp: 5m - Cấp độ bảo vệ: IP68 - Vật liệu: Polypropylen	Pedrollo – Ý	Cái	1
B	BỂ ANOXIC – 02				
1	Bơm khuấy chìm (MX02 – A/B)	Bơm chìm Model: BAV 150 Đặc tính kỹ thuật: - Công suất : Q = 3,6 m ³ /h; H = 4.5 m - Điện áp: 220V/50Hz/1pha; 150W - Đường kính output : DN32mm - Chỉ số cách điện : lớp B - Chỉ số bảo vệ : IP 68 - Vật liệu : buồng gang, cánh gang, trục inox	APP – Taiwan	Cái	2
C	BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ (AEROTANK) - 02				

Stt	Tên thiết bị/ hạng mục	Mô tả kỹ thuật	Nhãn hiệu/ xuất xứ	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Bơm nước thải (WP03)	Bơm chìm Model: BAV 150 Đặc tính kỹ thuật: - Công suất : Q = 3,6 m ³ /h; H = 4.5 m - Điện áp: 220V/50Hz/1pha; 150W - Đường kính output : DN32mm - Chỉ số cách điện : lớp B - Chỉ số bảo vệ : IP 68 - Vật liệu : buồng gang, cánh gang, trục inox - Phụ kiện đi kèm	APP – Taiwan	Bộ	1
2	Máy sục khí (AB03 – A/B)	Máy sục khí chìm Model: EJ - 5.10 Đặc tính kỹ thuật: - Công suất : Q = 10 m ³ /h - Điện áp: 220V/50Hz/1pha; 750W - Chỉ số cách điện : lớp B - Chỉ số bảo vệ : IP 68 - Vật liệu : buồng gang, cánh gang, trục inox - Phụ kiện đi kèm	Evak – Taiwan	Bộ	2
D	BỂ LẮNG – 04				
1	Bơm bùn (SP04)	Bơm chìm Model: BAV 150 Đặc tính kỹ thuật: - Công suất : Q = 3,6 m ³ /h; H = 4.5 m - Điện áp: 220V/50Hz/1pha; 150W - Đường kính output : DN32mm - Chỉ số cách điện : lớp B - Chỉ số bảo vệ : IP 68 - Vật liệu : buồng gang, cánh gang, trục inox	APP – Taiwan	Bộ	1
E	BỂ LỌC, XỬ LÝ OZONE - 05				
1	Máy tạo khí Ozone	Model: Lin 4.10L - Lượng Ozone: 10g/h - Áp lực khí: 0,035Mpa - Lưu lượng khí: 70l/phút - Công suất: 210W - Nguồn điện: AC 220V/50Hz - Kích thước: 540x540x230mm - Trọng lượng: 15kg	Lino- Germany	Bộ	2
F	BỂ CHỨA – 06				
1	Bơm nước thải	Model: TF32 - 160A - Công suất: 3kW - Lưu lượng tối đa: 29,4 m ³ /h	SWIRLS – China	Bộ	1

Stt	Tên thiết bị/ hạng mục	Mô tả kỹ thuật	Nhãn hiệu/ xuất xứ	Đơn vị tính	Khối lượng
		- Số vòng quay: 2850 rpm - Điện áp: 380V/50Hz - Cột áp: 33m - Phao tín hiệu và các phụ kiện đi kèm			
2	Đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu ra	- Model: KM-50 - Chất liệu thân: Gang - Class B - Kiểu kết nối: Mặt bích - Kích thước: DN50 - Lưu lượng tối đa: 30 m ³ /h - Nhiệt độ làm việc: < 500C	Komax/ Hàn Quốc	Cái	01
H	HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN				
1	Lắp tủ điều khiển toàn bộ công nghệ	- Bộ điều khiển - Thiết bị đóng cắt chính/ Schneider - Thiết bị báo mức nước/ Hangyoung - Vỏ sơn tĩnh điện/ Việt Nam - Vật tư phụ/ Asia	Việt Nam	Hệ	1

+ Nhu cầu hóa chất sử dụng cho vận hành HTXLNT tập trung: Không

1.3. Công trình thoát nước thải

Nước thải sau xử lý được dẫn bằng ống nhựa PVC D90 dài khoảng 190m đi ngầm dưới đất dẫn nước thải sau xử lý ra điểm đầu nối (nằm phía Nam của Cơ sở) vào cống thoát nước chung của thành phố trên trục đường Bùi Thị Xuân, sau đó theo tuyến cống chảy về hướng Đông và đổ vào sông Hương đoạn qua phường Thủy Biều, quận Thuận Hóa, thành phố Huế.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. Phương án phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Định kỳ phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành lấy mẫu nước thải trước và sau xử lý để đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý.

- Định kỳ kiểm tra sự rò rỉ và tắc nghẽn các đường ống, bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị.

- Vận hành hệ thống xử lý liên tục 24/24 giờ để tạo điều kiện vi sinh vật có trong bùn hoạt tính phát triển ổn định, giúp tăng tính ổn định với chất lượng nước thải sau xử lý.

1.4.2. Phương án ứng phó với sự cố hệ thống xử lý nước thải

* Đối với sự cố tại các công trình xử lý sinh học

- Sự cố nổi bọt trắng :

Đặc điểm: Bọt to, nổi nhiều tăng dần tới đầy mặt bể. Khi đó người vận hành phải kiểm tra tính chất nước thải đầu vào.

Khắc phục: Nước thải chứa nhiều chất hoạt động bề mặt (bọt trắng nổi như bọt xà phòng) tiến hành sục khí, khuấy đều 30 phút - 60 phút, điều chỉnh pH giảm xuống thích hợp với quá trình xử lý sinh học hoặc sử dụng hóa chất phá bọt.

- Sự cố nổi bọt quá tải

Hiện tượng: Nổi bọt trắng nhiều trên bề mặt

Khắc phục: Do nồng độ COD vượt quá khả năng xử lý của vi sinh vật, cần bổ xung thêm lượng vi sinh vật trong bể bằng cách mua thêm bùn vi sinh.

- Sự cố bọt màu trắng nổi bọt to có bùn trên bề mặt các bọt nổi, bùn màu nâu đen:

Nguyên nhân: Vi sinh vật bị chết, lượng vi sinh vật này tiết ra các chất nhờn, hình thành các bọt khí trên bề mặt, bùn vi sinh hoạt tính bị chết sẽ bám lên các bọt khí đó.

Cách khắc phục: Ngay lập tức tắt sục khí để lắng 60 phút, tiến hành bơm nước thải ra (ức chế vi sinh vật). Tiến hành bơm nước thải sạch vào bể Aerotank sục khí 30 phút và để lắng, tiếp tục bơm nước ra. Sau đó kiểm tra toàn bộ thông số của nước thải đầu vào.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: tối đa 06 tháng sau khi được cấp Giấy phép môi trường.

2.2. Công trình thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý chất thải:

Vị trí	Thông số	Tần suất	Loại mẫu	Quy chuẩn so sánh
Đầu vào của hệ thống xử lý nước thải	pH; BOD ₅ ; TSS; Tổng chất rắn hòa tan; sunfua; amoni; NO ₃ ⁻ -N; Dầu mỡ	01 đợt	Mẫu đơn	QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (giá trị C _{max} , cột A, K=1,2).
Đầu ra của hệ thống xử lý nước thải	động, thực vật; Tổng các chất hoạt động bề mặt, PO ₄ ³⁻ -P, Tổng coliforms	01 ngày/lần trong 03 ngày liên tiếp (trường hợp bất khả kháng, phải thực hiện đo đặc vào ngày tiếp theo).		

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 12 /GPMT-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2025
của UBND thành phố Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.
- Từ hoạt động của máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung được xác định các điểm (theo hệ tọa độ VN 2.000, KTT 107⁰, múi chiều 30⁰) tại bảng sau:

STT	Tọa độ	
	X(m)	Y(m)
I	Khu vực đặt máy phát điện	
	1.819.380	557.449
II	Khu vực HTXLNT (tọa độ trung tâm)	
	1.819.365	557.456

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

Giá trị giới hạn theo QCVN đối với tiếng ồn như sau:

Stt	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú	Tần suất quan trắc định kỳ
1	70	55	Khu vực thông thường	Theo yêu cầu của Chủ Cơ sở, và giám sát khi có sự cố hoặc yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền

3.2. Độ rung:

Độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

Giá trị giới hạn theo QCVN đối với độ rung như sau:

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Ghi chú	Tần suất quan trắc định kỳ
	Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)		
1	70	60	Khu vực thông thường	Theo yêu cầu của Chủ Cơ sở, và giám sát khi có sự cố hoặc yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Tại HTXLNT, các bể xử lý được xây ngầm và có nắp đan đáy kín, máy móc được đặt trong nhà điều hành để giảm thiểu tiếng ồn phát ra xung quanh.

- Thường xuyên kiểm tra máy móc, thiết bị để đảm bảo vận hành ổn định nhằm hạn chế tiếng ồn và rung chấn.

- Sử dụng máy phát điện được trang bị hệ thống giảm chấn, giảm tiếng ồn phát sinh. Ngoài ra, máy phát điện được sử dụng với tần suất tương đối thấp, lượng dầu DO sử dụng trung bình của 02 năm gần nhất là khoảng 100 lít/năm (tương đương từ 10 -20 giờ chạy máy mỗi năm).

- Hạn chế sử dụng còi xe khi ra vào Cơ sở.

- Bố trí HTXLNT nằm tách biệt với các tòa nhà lưu trú của Cơ sở và các khu dân cư để hạn chế ảnh hưởng do tiếng ồn.

- Trồng cây xanh trong khuôn viên Cơ sở để hạn chế tiếng ồn phát ra bên ngoài.

Ngoài ra, khu vực có bố trí karaoke khi tổ chức sự kiện, tiệc phải là khu vực kín để giảm lan truyền âm thanh ra ngoài, thực hiện giảm âm lượng sau 21 giờ 00 phút (trong ngày) đảm bảo độ ồn đúng quy định.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn và độ rung.

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 12/GPMT-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2025
của UBND thành phố Huế)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, cơ sở phát sinh các loại chất thải nguy hại sau:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	21	16 01 06
2	Pin, ắc quy thải	Rắn	05	16 01 12
3	Giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	05	18 02 01

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Khối lượng rác sinh hoạt phát sinh tại Cơ sở trung bình là 20 tấn/năm.

1.3. Chất thải rắn thông thường phát sinh:

- Vật liệu lọc của bể bơi (cát): 01m³/năm
- Bùn thải từ các bể tự hoại và HTXLNT: Phát sinh không thường xuyên

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH):

- CTNH được thu gom vào các thiết bị lưu chứa, có dán nhãn phân biệt, mã cảnh báo được đặt trong kho chứa CTNH có diện tích khoảng 05m².
- Hợp đồng đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Cát làm vật liệu lọc nước của bể bơi khi thay thế sẽ được sử dụng làm vật liệu san lấp và trồng cây tại Cơ sở.
- Bùn thải từ các bể tự hoại và HTXLNT sẽ thuê đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý khi phát sinh.

2.3. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Bố trí thùng rác phân bố tại các phòng lưu trú, nhà hàng, bếp, văn phòng và các công trình phụ khác để thực hiện phân loại rác tại nguồn theo quy định. Định kỳ hằng ngày bố trí nhân viên chuyên trách của Cơ sở thu gom rác sinh hoạt về khu tập kết rác sinh hoạt. Khu tập kết rác sinh hoạt được bố trí thùng chứa rác (loại thùng HDPE, dung tích 140 lít) theo nhóm rác đã được phân loại (rác tái chế, thực phẩm và nhóm chất thải còn lại), các thùng chứa có đầy đủ nhãn phân loại theo quy định. Riêng chất thải nguy hại được đưa về kho chứa CTNH tại mục 2.1 nêu trên.

- Các chất thải sau khi phân loại, thu gom, tập kết phải được chuyển giao, xử lý hoặc tái sử dụng đúng quy định. Chất thải thực phẩm có thể được tận dụng để làm phân bón cho cây trồng trong khuôn viên cơ sở nhưng phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 12 /GPMT-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2025
của UBND thành phố Huế)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Công ty Cổ phần Vườn Xưa chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Thực hiện đúng các nội dung cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở.

2. Công ty Cổ phần Vườn Xưa đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động về bảo vệ môi trường. Áp dụng các biện pháp phòng chống sự cố và giảm thiểu ô nhiễm môi trường, đồng thời tăng cường công tác đào tạo cán bộ về môi trường nhằm nâng cao năng lực quản lý về môi trường, đảm bảo không phát sinh các vấn đề gây ô nhiễm môi trường.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TTBTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4. Thực hiện các giải pháp giảm thiểu mùi hôi: Vệ sinh hằng ngày khu vực bếp ăn, nhà ăn, nhà vệ sinh, chuyển giao chất thải thực phẩm hằng ngày theo quy định; định kỳ nạo vét bùn, cặn tại các hố ga thoát nước thải, bùn thải từ hệ thống xử lý.

5. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.